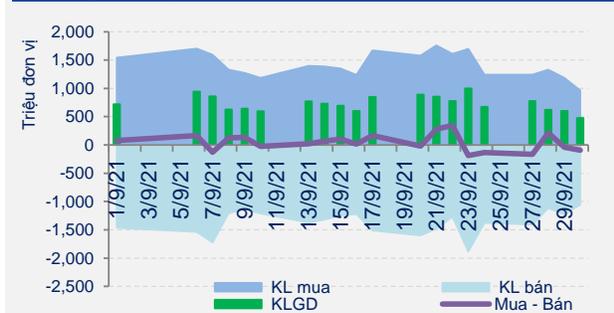
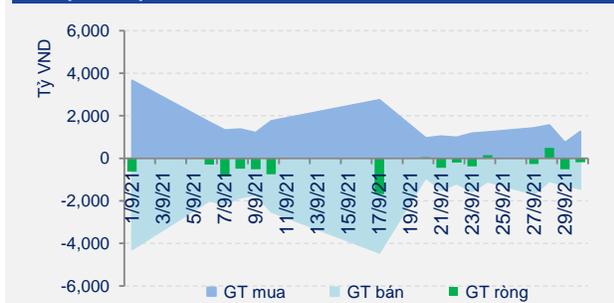


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 30/9/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,342.06	357.33
% Thay đổi	↑ 0.21%	↑ 0.86%
KLGD (CP)	478,427,498	115,316,712
GTGD (tỷ đồng)	15,293.97	2,531.68
Tổng cung (CP)	1,055,952,200	159,321,900
Tổng cầu (CP)	965,411,800	138,404,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	33,210,400	501,343
KL mua (CP)	26,301,200	897,350
GT mua (tỷ đồng)	1,260.07	21.26
GT bán (tỷ đồng)	1,438.86	9.26
GT ròng (tỷ đồng)	(178.79)	11.99

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.35%	23.3	3.8	1.1%
Công nghiệp	↑ 0.78%	19.2	3.0	10.3%
Dầu khí	↓ -0.06%	16.5	1.8	3.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.63%	-	4.8	6.5%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.92%	17.7	2.6	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.59%	20.9	4.2	7.4%
Ngân hàng	↓ -0.31%	11.3	2.3	17.2%
Nguyên vật liệu	↑ 0.19%	13.2	2.8	23.6%
Tài chính	↑ 0.60%	17.1	3.3	27.0%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.35%	15.7	2.7	2.7%
VN - Index	↑ 0.21%	16.4	2.9	
HNX - Index	↑ 0.86%	19.2	4.3	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản tiếp tục suy giảm. Cụ thể, VN-Index tăng 2,85 điểm (+0,21%) lên 1.342,06 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 234 mã tăng, 79 mã tham chiếu, 144 mã giảm. HNX-Index tăng 3,04 điểm (+0,86%) lên 357,33 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 173 mã tăng, 53 mã tham chiếu, 79 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 529 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 15.131 tỷ đồng. Thị trường giao dịch với sắc xanh trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhưng áp lực cung về chiều khiến mức tăng bị thu hẹp lại. Nhóm dầu khí tiếp tục là tâm điểm với hàng loạt mã tăng giá như GAS (+0,2%), CNG (+0,8%), PGC (+2,8%), PGS (+1,4%), PVB (+1,9%), PVC (+0,9%), PVD (+2,7%), PVS (+1,4%)... Nhóm thép và vật liệu xây dựng cũng giao dịch tương đối tích cực với nhiều mã tăng như HSG (+1,3%), NKG (+0,7%), SMC (+0,3%), BTS (+1,7%), BCC (+1,5%)... Nhóm hoá chất phân bón tiếp tục xu hướng tăng mạnh, trong đó DCM (+6,9%), DDV (+9,5%) tăng trần. Trong khi đó, nhóm ngân hàng và chứng khoán có sự phân hóa với bên tăng là các cổ phiếu ACB (+0,6%), CTS (+0,4%), MBB (+0,2%), SHS (+0,3%), SHB (+2,3%), VDS (+0,3%), VND (+0,4%), TCB (+0,4%), TPB (+0,5%)... Ở chiều ngược lại, AGR (-0,6%), BID (-1,1%), HCM (-1,1%), MBS (-0,3%), STB (-0,4%), VCB (-1,3%), VCI (-0,2%)... đóng cửa trong sắc đỏ. Một số Bluechips đóng cửa trong sắc đỏ như FPT (-0,2%), HPG (-0,8%), SAB (-0,3%), VCB (-1,3%)... khiến mức tăng của thị trường bị thu hẹp lại.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Tình hình vẫn chưa có gì thay đổi sau phiên hôm nay khi mà VN-Index vẫn đang bị kẹp giữa kháng cự ngắn hạn quanh 1.345 điểm (MA20) và hỗ trợ trung hạn quanh 1.330 điểm (MA50). Điểm đáng chú ý hơn là việc thanh khoản suy giảm phiên thứ 3 liên tiếp cho dòng tiền đang thận trọng hơn và một bộ phận nhà đầu tư vẫn đang đứng ngoài thị trường. Khối ngoại duy trì bán ròng trên hai sàn với khoảng 170 tỷ đồng. Sẽ cần sự bứt phá khỏi vùng giằng co hiện tại để thoát khỏi xu hướng đi ngang. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 1/10, VN-Index có thể tiếp tục hồi phục để hướng tới ngưỡng kháng cự tâm lý quanh 1.350 điểm. Nhà đầu tư đang có tỷ trọng cổ phiếu lớn có thể canh những phiên hồi phục để giảm tỷ trọng. Nhà đầu tư đang có tỷ trọng tiền mặt cao đứng ngoài và quan sát thị trường, chưa nên mua vào ở thời điểm hiện tại.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

30/9/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc xanh trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu nhẹ xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 1.348,89 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 2,85 điểm (+0,21%) lên 1.342,06 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC tăng 1.300 đồng, MSN tăng 1.600 đồng, VRE tăng 800 đồng. Ở chiều ngược lại, VCB giảm 1.300 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng giao dịch với sắc xanh trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 359,05 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 3,04 điểm (+0,86%) lên 357,33 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHB tăng 600 đồng, THD tăng 700 đồng, PVS tăng 400 đồng. Ở chiều ngược lại, NET giảm 2.500 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 179,82 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 6,5 triệu đơn vị. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 182,7 tỷ đồng tương ứng với 3,4 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VCB với 78 tỷ đồng tương ứng với 799 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VNM là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 82,4 tỷ đồng tương ứng với 914 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 11,92 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 396 nghìn cổ phiếu. THD là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 3,9 tỷ đồng tương ứng với 396 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVI với 2,7 tỷ đồng tương ứng với 56 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, NVB là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 1,7 tỷ đồng tương ứng với 62 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Toàn cảnh tình hình kinh tế xã hội quý 3 và 9 tháng đầu năm 2021

Bức tranh kinh tế 9 tháng 2021 có nhiều gam màu trầm, nhiều chỉ số vĩ mô bị kéo tụt bởi dịch Covid-19. Trong đó, lần đầu tiên GDP hàng quý ghi nhận mức tăng trưởng âm; nhập siêu hơn 2 tỷ USD trong 9 tháng; ngành du lịch bị đóng băng hoàn toàn...

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index hồi phục nhẹ với thanh khoản suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy dòng tiền đang có sự thận trọng và một bộ phận nhà đầu tư đang đứng ngoài thị trường.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliott với việc sóng tăng 5 (từ 1.000 điểm lên 1.420 điểm) đã kết thúc khi đạt đến độ dài của sóng tăng 3 (từ 780 điểm lên 1.200 điểm) với mức tăng cùng là 420 điểm.

Sóng điều chỉnh a sau đó đã kết thúc trong phiên 20/7 khi VN-Index chạm ngưỡng 1.225 điểm rồi hồi phục từ đây.

Sóng hồi b sau đó cũng đã kết thúc vào ngày 20/8 khi VN-Index (-3,3%) giảm mạnh và xuyên thủng hỗ trợ MA20 và MA50.

Và hiện tại là sóng điều chỉnh c với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.180 điểm (sóng c = sóng a = 200 điểm).

Với phiên hồi phục nhẹ hôm nay thì góc nhìn kỹ thuật của VN-Index vẫn chưa có gì thay đổi. Chỉ số này vẫn đang bị kẹp giữa ngưỡng hỗ trợ rung hạn quanh 1.330 điểm (MA50) và ngưỡng kháng cự ngắn hạn quanh 1.345 điểm (MA20). Nếu có thể vượt qua được ngưỡng 1.345 điểm (MA20) trong phiên tới thì VN-Index có thể hướng tới ngưỡng kháng cự tâm lý quanh 1.350 điểm.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì có thể VN-Index sẽ cần test lại lực cầu quanh hỗ trợ trung hạn 1.330 điểm (MA50).

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 1/10, VN-Index có thể tiếp tục hồi phục để hướng tới ngưỡng kháng cự tâm lý quanh 1.350 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

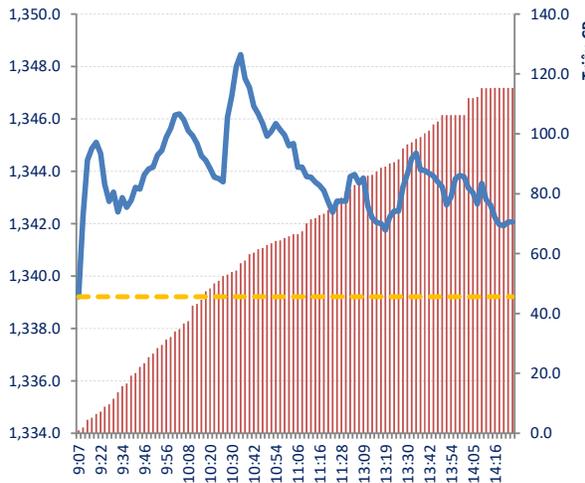
Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 56,55 - 57,5 triệu đồng/lượng, giảm 100.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 50.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 7 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 30/9 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.162 VND/USD, tăng 7 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

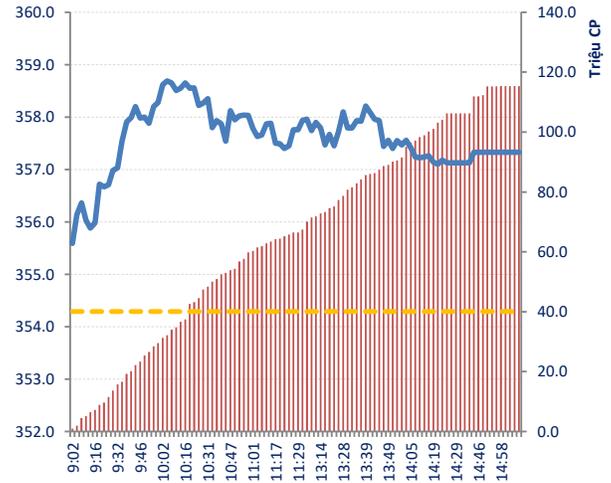
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 7,45 USD/ounce tương ứng với 0,43% lên 1.730,35 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,041 điểm tương ứng 0,04% xuống 94,312 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1599 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3465 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 111,89 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,17 USD/thùng tương ứng với 0,23% lên 75 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều	Kết thúc phiên giao dịch ngày 29/9, Dow Jones tăng 90,73 điểm tương đương 0,26% lên 34.390,72 điểm. Nasdaq giảm 34,24 điểm tương đương 0,24% xuống 14.512,44 điểm. Nasdaq Composite tăng 6,83 điểm tương đương 0,16% lên 4.359,46 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

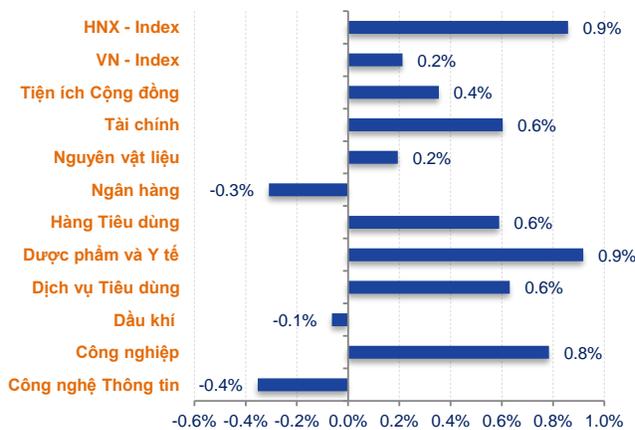
KLGD và VN-Index trong phiên



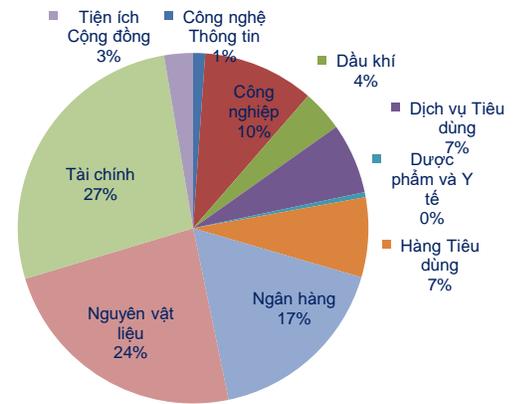
KLGD và HNX-Index trong phiên



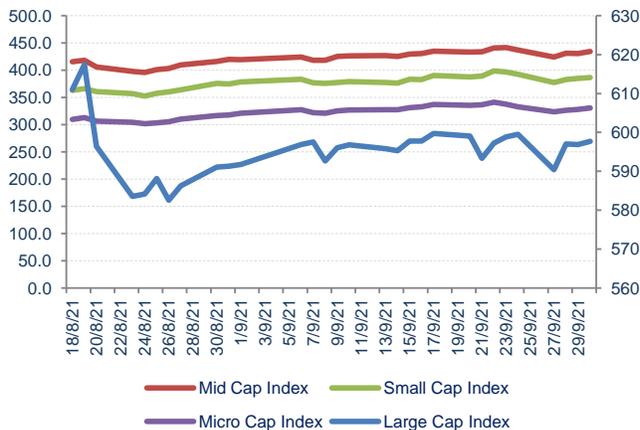
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



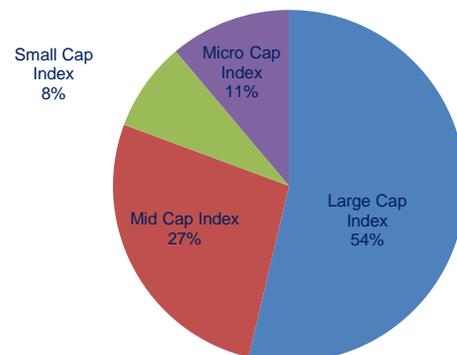
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DCM	1,384,100	HPG	3,436,000
2	HSG	1,357,200	E1VFN30	2,122,700
3	VRE	1,026,000	HDB	1,566,500
4	VNM	914,300	GEX	980,300
5	CTG	877,000	DPM	847,900

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CEO	219,600	ACM	141,300
2	MBG	142,900	NVB	62,200
3	SHB	60,750	PVS	30,250
4	PVI	56,200	PPS	24,400
5	PVG	29,200	PGS	18,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	53.30	52.90	↓ -0.75%	24,564,400
DCM	24.75	26.45	↑ 6.87%	10,520,100
PVD	22.20	22.80	↑ 2.70%	10,232,700
HSG	45.90	46.50	↑ 1.31%	10,145,300
STB	25.80	25.70	↓ -0.39%	10,103,000

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVB	27.00	27.10	↑ 0.37%	10,666,185
SHB	26.00	26.60	↑ 2.31%	10,407,163
PVS	27.90	28.30	↑ 1.43%	9,932,792
EVS	30.80	32.00	↑ 3.90%	5,830,300
AAV	28.30	29.60	↑ 4.59%	3,963,290

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TMS	63.00	67.40	4.40	↑ 6.98%
BTP	16.50	17.65	1.15	↑ 6.97%
HVX	7.93	8.48	0.55	↑ 6.94%
TTE	8.68	9.28	0.60	↑ 6.91%
DCM	24.75	26.45	1.70	↑ 6.87%

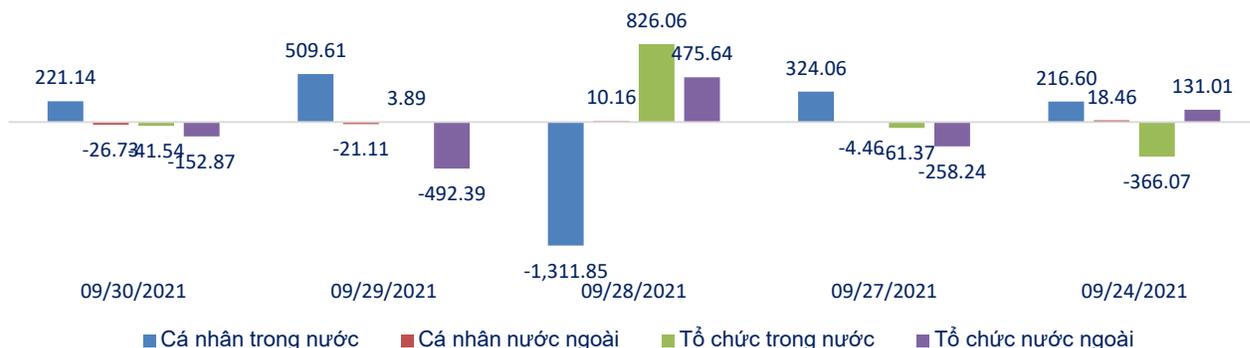
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SAF	55.00	60.50	5.50	↑ 10.00%
LBE	25.00	27.50	2.50	↑ 10.00%
CLM	23.10	25.40	2.30	↑ 9.96%
VBC	22.10	24.30	2.20	↑ 9.95%
SDA	11.10	12.20	1.10	↑ 9.91%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
QBS	4.45	4.14	-0.31	↓ -6.97%
VSI	22.00	20.55	-1.45	↓ -6.59%
SSC	43.75	41.50	-2.25	↓ -5.14%
SII	16.70	15.85	-0.85	↓ -5.09%
UDC	7.59	7.25	-0.34	↓ -4.48%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
THB	15.20	13.70	-1.50	↓ -9.87%
LUT	5.20	4.70	-0.50	↓ -9.62%
VHL	24.30	22.00	-2.30	↓ -9.47%
VIT	15.40	14.00	-1.40	↓ -9.09%
HEV	16.60	15.10	-1.50	↓ -9.04%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	85.23	39.5%	5,614	9.5	3.2
VCB	79.02	20.6%	5,533	17.8	3.5
FIT	45.60	3.4%	544	23.7	0.8
HDB	37.28	20.5%	2,643	9.6	1.8
DIG	36.28	14.4%	1,635	19.0	2.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-72.96	31.9%	5,109	17.5	5.4
HSG	-72.90	48.3%	7,820	5.9	2.3
DCM	-36.84	11.6%	1,431	17.3	1.9
VRE	-35.92	9.2%	1,195	23.7	2.1
MSN	-27.61	7.6%	1,784	79.0	5.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	6.74	4.5%	1,600	54.2	2.3
HCM	3.14	19.2%	2,899	18.1	3.3
SCS	1.89	50.4%	9,163	14.8	7.0
GAS	0.91	16.3%	4,178	23.2	3.9
CNG	0.90	14.3%	2,628	13.6	2.0

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
E1VFN30	-7.42	N/A	N/A	N/A	N/A
VND	-4.54	34.3%	5,524	9.2	2.7
SSI	-3.52	16.5%	2,075	19.3	3.2
STB	-3.08	11.8%	1,907	13.5	1.6
MSN	-2.73	7.6%	1,784	79.0	5.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	98.17	39.5%	5,614	9.5	3.2
E1VFN30	50.46	N/A	N/A	N/A	N/A
HDG	26.10	16.1%	4,302	13.5	2.2
MBB	25.31	20.1%	2,772	10.0	1.9
FMC	20.40	19.7%	4,477	11.1	2.0

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-51.46	18.5%	3,414	8.9	1.6
FIT	-45.60	3.4%	544	23.7	0.8
DIG	-36.19	14.4%	1,635	19.0	2.6
STB	-29.87	11.8%	1,907	13.5	1.6
VPB	-27.26	22.6%	5,050	13.1	2.7

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	81.80	31.9%	5,109	17.5	5.4
HSG	63.47	48.3%	7,820	5.9	2.3
DCM	36.14	11.6%	1,431	17.3	1.9
VRE	30.45	9.2%	1,195	23.7	2.1
CTG	26.18	18.5%	3,414	8.9	1.6

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-181.69	39.5%	5,614	9.5	3.2
VCB	-78.52	20.6%	5,533	17.8	3.5
E1VFN30	-44.55	N/A	N/A	N/A	N/A
HDB	-39.62	20.5%	2,643	9.6	1.8
DPM	-30.81	13.7%	2,915	12.2	1.6



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	24,564,400	39.5%	5,614	9.5	3.2
DCM	10,520,100	3250.0%	1,431	17.3	1.9
PVD	10,232,700	0.0%	7	3,167.1	0.7
HSG	10,145,300	48.3%	7,820	5.9	2.3
STB	10,103,000	11.8%	1,907	13.5	1.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVB	10,666,185	1.9%	205	131.7	2.5
SHB	10,407,163	15.7%	2,045	12.7	1.9
PVS	9,932,792	4.4%	1,187	23.5	1.0
EVS	5,830,300	28.0%	3,833	8.0	2.0
AAV	3,963,290	5.8%	618	45.8	2.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TMS	↑ 7.0%	16.2%	4,535	13.9	2.2
BTP	↑ 7.0%	4.2%	853	19.3	0.8
HVX	↑ 6.9%	0.6%	60	132.2	0.8
TTE	↑ 6.9%	0.1%	8	1,138.7	0.9
DCM	↑ 6.9%	11.6%	1,431	17.3	1.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SAF	↑ 10.0%	32.1%	4,786	11.5	4.0
LBE	↑ 10.0%	9.5%	1,734	14.4	1.4
CLM	↑ 10.0%	14.5%	2,508	9.2	1.4
VBC	↑ 10.0%	20.7%	3,662	6.0	1.3
SDA	↑ 9.9%	2.7%	199	55.7	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DCM	1,384,100	11.6%	1,431	17.3	1.9
HSG	1,357,200	48.3%	7,820	5.9	2.3
VRE	1,026,000	9.2%	1,195	23.7	2.1
VNM	914,300	31.9%	5,109	17.5	5.4
CTG	877,000	18.5%	3,414	8.9	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	219,600	-3.1%	(411)	-	0.8
MBG	142,900	2.4%	256	41.1	1.0
SHB	60,750	15.7%	2,045	12.7	1.9
PVI	56,200	11.0%	3,581	13.5	1.4
PVG	29,200	3.9%	515	30.5	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	365,324	20.6%	5,533	17.8	3.5
VHM	340,512	36.9%	7,781	10.1	3.4
VIC	329,912	4.5%	1,600	54.2	2.3
HPG	238,407	39.5%	5,614	9.5	3.2
VNM	187,260	31.9%	5,109	17.5	5.4

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	79,555	33.9%	6,555	34.7	13.9
SHB	50,064	15.7%	2,045	12.7	1.9
VCS	20,656	42.1%	10,726	12.0	4.9
BAB	16,494	7.8%	876	25.0	1.9
IDC	15,600	11.3%	1,683	30.9	3.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DAH	2.86	-7.4%	(725)	-	0.9
SCR	2.62	5.8%	770	16.0	0.9
KMR	2.38	2.0%	201	38.2	0.7
VOS	2.36	26.7%	1,095	20.6	4.3
FTS	2.24	22.7%	3,590	15.9	3.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
WSS	2.50	8.7%	885	12.3	1.0
HBS	2.32	1.2%	140	80.4	1.0
VIG	2.27	-2.5%	(137)	-	1.5
PSI	2.25	2.9%	300	42.6	1.2
TTH	2.09	-1.6%	(179)	-	0.4



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
